

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST

Ngày 08-4-2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiếu

Bà Mai Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2026/QĐXX-ST ngày 24/3/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Bạch T**, sinh năm 1985; ĐKKHKT: **Số A đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình**; nơi ở hiện nay: **Số F E, thành phố B, Cộng hòa Liên Bang Đ**; số CCCD: 03618502225 cấp ngày 18/5/2023; hộ chiếu số: C5915847 cấp ngày 30/6/2022; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Duy T1**, sinh năm 1998; ĐKKHKT: **Số C C, phường H, thành phố Hải Phòng**; nơi ở hiện nay: **Số F E, thành phố B, Cộng hòa Liên Bang Đ**; số CCCD: 031098011815 cấp ngày 28/6/2021; hộ chiếu số: Q00224228 cấp ngày 08/02/2023; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 26/01/2026, bản tự khai, nguyên đơn chị **Phạm Thị Bạch T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Phạm Duy T1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại **Đ** tại **Cộng hòa Liên bang Đ** vào ngày 08/02/2023. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khác biệt trong suy nghĩ dẫn

đến cả hai không tìm thấy tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên ngăn, hoà giải nhưng không cải thiện được mâu thuẫn giữa vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân được một thời gian dài. Nay chị **T** nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **T** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh **Phạm Duy T1**.

Về con chung: Chị **T** và anh **T1** không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, anh **Phạm Duy T1** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh **T1** trình bày thống nhất với chị **T** về điều kiện, hoàn cảnh và mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do sự cách biệt về tuổi tác, khác biệt trong suy nghĩ, lối sống dẫn đến cả hai không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng sống ly thân được một thời gian dài, không ai quan tâm ai. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn, anh nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị **T** không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh **T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 1 Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Bạch T**, chị **Phạm Thị Bạch T** được ly hôn anh **Phạm Duy T2**.

- Về con chung: Chị **T** và anh **T1** không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Phạm Thị Bạch T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh **Phạm Duy T1** có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: **Số C C, phường H, thành phố Hải Phòng**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị **Phạm Thị Bạch T** và anh **Phạm Duy T1** tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thấy đủ cơ sở để xác định, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị **Phạm Thị Bạch T** và anh **Phạm Duy T1** đã trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Hai bên gia đình cũng đã khuyên ngăn, hoà giải, mong muốn anh chị có thể hàn gắn nhưng không có kết quả. Như vậy, việc chị **T** yêu cầu giải quyết ly hôn với anh **T1** là có căn cứ và đúng thực tế. Xét thấy, tình trạng hôn nhân trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đều nhất trí ly hôn. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị **Phạm Thị Bạch T** được ly hôn anh **Phạm Duy T1**.

[5] Về con chung: Chị **Phạm Thị Bạch T** và anh **Phạm Duy T1** thống nhất trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị **Phạm Thị Bạch T** và anh **Phạm Duy T1** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị **Phạm Thị Bạch T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, khoản 4 điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân;

Căn cứ vào các điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phạm Thị Bạch T** được ly hôn anh **Phạm Duy T1**.

2. Về con chung: Chị **Phạm Thị Bạch T** và anh **Phạm Duy T1** trình bày không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị **Phạm Thị Bạch T** và anh **Phạm Duy T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Phạm Thị Bạch T** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002395 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị **T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức  
(Theo GCNKH số 35 ngày 08/02/2023);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Thuận**